TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 04-5-2018
V/v " Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Nguyễn Tấn Tặng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/4 và 04/5 năm 2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2017/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/HNGĐ–ST ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Tấn H, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: 422B/6, ấp Q, xã P, Z, Đồng Tháp, có mặt.

- *Bị đơn:* Đỗ Thị C, sinh năm 1992; địa chỉ, cư trú: 113, ấp L, xã K, V, Đồng Tháp, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Luật sư Hồ Thị X - Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Võ Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: 266 ấp A, xã K, V, Đồng Tháp.

2. Phạm Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: 422B/6, ấp Q, xã P, Z, Đồng Tháp.

3. Nguyễn Hồng S, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: khóm F, thị trấn V, V, Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo là anh Nguyễn Tấn H là nguyên đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Tấn H trình bày:

Về hôn nhân, ngày 20/4/2013 anh và chị C có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không phù hợp nhau nên đến ngày 04/7/2013 thì anh về nhà cha mẹ anh sinh sống cho đến nay. Nay do tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị C.

Về con chung, anh thừa nhận cháu Đỗ Thị N, sinh ngày 22/01/2014 là con của anh và chị C và anh đồng ý để cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị N, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở, ngoài ra, anh tự nguyện chia đôi chi phí sinh con 15.300.000đ, anh sẽ hoàn trả lại cho chị C 7.650.000đ.

Về tài sản chung, cha mẹ ruột anh cho 40 chỉ vàng 24kara 9999; một đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000đ và 50.000.000đ; phía cha mẹ ruột chị C cho 60 chỉ vàng 24kara 9999. Tổng cộng tài sản chung là 100 chỉ vàng 24kara 9999, một đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000đ và 50.000.000đ, tài sản này hiện chị C quản lý. Nay anh yêu cầu chia đôi, cụ thể anh được sở hữu 50 chỉ vàng 24kara 9999, ½ trị giá đôi bông tai hột xoàn 15.500.000đ và 25.000.000đ.

Về nợ chung, anh H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đỗ Thị C trình bày: Chị và anh H có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ ngày 20/4/2013 và không có đăng ký kết hôn như anh H trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên vợ chồng đã xa nhau từ ngày 04/7/2013 cho đến nay. Nay chị C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Đỗ Thị N, sinh ngày 22/01/2014, hiện đang sống với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 02 triệu đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị C yêu cầu anh H phải chịu chi phí sinh con gồm: Chi phí sinh con là 20.000.000đ; chi phí phục hồi sức khỏe cho chị và con sau sinh là 12.000.000đ, tổng cộng là 32.000.000đ.

Về tài sản chung: Số vàng 40 chỉ vàng 24kara 9999 và một đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000đ là của cha mẹ ruột anh H cho riêng chị trong lúc đám hỏi. Còn 60 chỉ vàng 24kara 9999 và 50.000.000đ là của cha mẹ ruột chị

cho chung chị và anh H trong đám cưới. Đối với 60 chỉ vàng 24kara 9999 và 50.000.000đ, hiện chị quản lý 30 chỉ vàng 24kara 9999, anh H quản lý 30 chỉ vàng 24kara 9999; còn 50.000.000đ thì chị đã chi trả vào chi phí đám cưới nên không còn.

Nay chị C không đồng ý chia đôi là 100 chỉ vàng 24kara 9999, một đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000đ và 50.000.000đ và không yêu cầu chia tài sản chung giữa chị C với anh H.

Về nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại quyết định bản án sơ thẩm số 69/2017/HNGĐ-ST, ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vđã tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Tấn H với chị Đỗ Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung:

Chị Đỗ Thị C được tiếp tục nuôi con Đỗ Thị N, sinh ngày 22/01/2014.

Anh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N mà không ai được cản trở.

Chị Đỗ Thị C cùng thành viên trong hộ gia đình chị Đỗ Thị C không được cản trở anh Nguyễn Tấn H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Buộc anh Nguyễn Tấn H cấp dưỡng cho con tên Đỗ Thị N mỗi tháng 1/2 (nữa) tháng lương cơ sơ, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2017 đến khi cháu N trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Buộc anh Nguyễn Tấn H hoàn trả cho chị Đỗ Thị C chi phí sinh con số tiền là 7.650.000đ (bảy triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng).

3. Về tài sản:

Anh Nguyễn Tấn H được quyền sở hữu 30 chỉ vàng 24 kara, loại vàng 9999 và 25.000.000đ (anh H đang quản lý 30 chỉ).

Chị Đỗ Thị C được quyền sở hữu 30 chỉ vàng 24 kara, loại vàng 9999 và 25.000.000đ (Chị C đang quản lý 30chỉ)

Chị Đỗ Thị C hoàn trả cho anh Nguyễn Tấn H số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành mà bên phải thi hành chậm thi hành án, thì bên phải thi hành còn phải trả thêm phần lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí: Vàng tính án phí là 3.250.000đ/1chỉ (theo ngày 20/10/2017).

Anh Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, 300.000đ án phí cấp dưỡng và 6.125.000đ án phí dân sự sơ thẩm, cộng chung là 6.725.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.312.500đ theo biên lai thu số 08959 ngày 16 tháng 01 năm 2017 (số tiền là 300.000đ) và biên lai thu số 08962 ngày 17 tháng 01 năm 2017 (số tiền là 5.012.500 đ) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, anh Nguyễn Tấn H còn phải nộp thêm 1.712.500đ.

Chị Đỗ Thị C phải chịu 6.125.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/11/2017, anh Nguyễn Tấn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Tấn H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét đối với 60 chỉ vàng 24k vàng 9999 là của cha mẹ chị C cho chung anh và chị C trong lúc đám hỏi; số tài sản này hiện chị C quản lý chứ anh không có quản lý. Còn đối với 01 đôi bông hột xoàn trị giá 31.000.000 đồng và 40 chỉ vàng 24k vàng 9999 là cha mẹ anh cho vợ chồng trong ngày đám hỏi. Nên tất cả tài sản kể trên là tài sản chung của vợ chồng anh. Nay anh yêu cầu chị C phải chia cho anh ½ số vàng trên là 50 chỉ vàng 24k 9999 và ½ trị giá đôi bông tai là 15.500.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của anh H đối với 40 chỉ vàng 24kara 9999 và một đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh H;

Đối với 40 chỉ vàng 24k vàng 9999 và 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000 đồng, anh H cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, được cha

mẹ ruột của anh cho chung vợ chồng trong ngày đám hỏi, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh H là có cơ sở vì phù hợp với tập quán là thông thường cha mẹ bên vợ hoặc bên chồng cho vàng cưới hỏi là cho chung cô dâu, chú rể, còn đối với chị C cho rằng số vàng 40 chỉ và đôi bông tai hột xoàn này là do cha mẹ của anh H cho riêng chị, nhưng chị không có chứng cứ gì để chứng minh ngoài việc chị căn cứ vào nội dung lời nói của ông Nguyễn Văn T khi trực tiếp giao số tài sản trên cho chị C là số tài sản này là cho cô dâu, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm, ông T cũng khẳng định là việc ông nói số tài sản trên cho cô dâu là do ý chí của ông, chứ lúc đó ông cũng không xác định được ý chí của cha mẹ ruột của anh H như thế nào, còn ông S là người làm chứng thì trình bày ngày đó do ông T tuyên bố cho 40 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông hột xoàn là cho cô dâu nên ông nghĩ theo ý kiến cá nhân ông là cho riêng chị C còn Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật ông không có ý kiến, còn bà Phạm Thị M là mẹ của anh H thì tại phiên tòa phúc thẩm cũng xác định bà không có nói, xác nhận tại ngày đám hỏi là số tài sản trên là bà cho riêng chị C, mà chỉ có ông T tự miệng nói là cho cô dâu, là trái với ý chí của vợ chồng bà, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc cha mẹ ruột của anh H cho riêng chị C tài sản trong ngày đám hỏi là không phù hợp với thực tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tài sản gồm 40 chỉ vàng 24k vàng 9999 và 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 31.000.000 đồng này là tài sản được tặng cho chung nên là tài sản chung của anh H và chị C. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử xác định đây là tài sản riêng của chị C do được tặng cho riêng là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh H về phần này, và do số tài sản hiện chị C quản lý, nên buộc chị C phải chia cho anh H 20 chỉ vàng 24k 9999 và 15.500.000 đồng (1/2 giá trị đôi bông tai hột xoàn)

Đối với 60 chỉ vàng 24k vàng 9999, anh H cho rằng số vàng này là của cha mẹ chị C cho chung anh và chị C trong lúc đám cưới nhưng hiện chị C quản lý toàn bộ, nên anh yêu cầu chị C phải chia cho anh 30 chỉ vàng 24k 9999, Hội đồng xét xử xét thấy: anh H cũng thừa nhận số vàng này sau khi được tặng cho thì mỗi người quản lý 1/2, tức 30 chỉ, nhưng sau đó thì anh đã giao lại toàn bộ 30 chỉ vàng này cho chị C quản lý; lời trình bày này không được chị C thừa nhận; anh H cũng không tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh anh đã giao chị C quản lý 30 chỉ vàng này, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh H.

[2] Ý kiến của luật sư Hồ Thị X bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đỗ Thị C trình bày: đối với số vàng cưới là 40 chỉ vàng 24K vàng 9999 và 01 đôi bông hột xoàn trị giá trị giá 31.000.000 đồng thì ông T là trưởng tộc đại diện cho nhà trai nói cho cô dâu trong ngày đám hỏi nên đây là tài sản riêng của chị C. Ngoài ra còn có số tiền 50.000.000 đồng cha mẹ anh H cho chị C nhưng cha mẹ của chị C đề nghị cho lại vợ chồng nên xem đây là tài sản chung của vợ chồng. Riêng đối với 60 chỉ vàng (02 sợi dây chuyền) là của cha mẹ chị C cho mỗi người một sợi đeo trong ngày cưới, anh H cho rằng đã đưa lại cho chị C nhưng chị C không thừa nhận và anh cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên việc trình bày của anh H là không có căn cứ. Xét lời trình bày của luật sư chỉ có căn cứ chấp nhận một phần như nhận định nêu trên.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Tấn H, sửa bản án sơ thẩm về phần tài sản là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Do sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản nên anh Nguyễn Tấn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 148; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 09, 14, 59, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Tấn H.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 69/2017/HNGĐ–ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

- Về hôn nhân: không công nhận anh Nguyễn Tấn H và chị Đỗ Thị C là vợ chồng.

- Về con chung:

Chị Đỗ Thị C được tiếp tục nuôi con chung là Đỗ Thị N (sinh ngày 22/01/2014). Anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị C hàng tháng bằng ½ tháng lương cơ sở tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lao động được.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Buộc anh Nguyễn Tấn H hoàn trả cho chị Đỗ Thị C chi phí sinh con là 7.650.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng).

- Về tài sản chung:

Buộc chị Đỗ Thị C có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Tấn H 20 chỉ vàng 24k vàng 9999 và ½ đôi bông tai hột xoàn trị giá là 15.500.000 đồng và số tiền 25.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Tấn H được sở hữu 30 chỉ vàng 24k vàng 9999 mà anh đang quản lý.

Chị Đỗ Thị C được sở hữu 50 chỉ vàng 24k vàng 9999 và ½ đôi bông tai hột xoàn trị giá 15.500.000 đồng và số tiền là 25.000.000 đồng (số tài sản này chị C đang quản lý).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 10.150.000 đồng tiền án phí chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 08959 ngày 16/01/2017 và số tiền 5.012.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 08962 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh H còn phải nộp tiếp 5.437.500 đồng.

Chị Đỗ Thị C phải nộp 10.150.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

- Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 02007 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KTNV& THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: VT,HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thuỷ